

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 285/2020/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 10 tháng 7 năm 2020

NGHỊ QUYẾT**Quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác
trên địa bàn tỉnh Hưng Yên****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;**Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;**Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013; Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;**Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hoá dịch vụ;**Căn cứ Thông tư số 09/2020/TT-BTC ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác;**Xét Tờ trình số 89/TTr-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số 314/BC-KTNS ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Ban Kinh tế Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.***QUYẾT NGHỊ:****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị quyết này quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.
2. Đối với công trình thủy lợi được đầu tư xây dựng theo hình thức đối tác

công tư và công trình thủy lợi đầu tư xây dựng không sử dụng vốn nhà nước không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động hợp pháp có liên quan đến quản lý khai thác công trình thủy lợi.
2. Cơ quan, đơn vị có liên quan đến quản lý nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.
3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác

1. Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác:

TT	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác	Đơn vị tính	Giá cụ thể
1	Tiêu nước khu công nghiệp bao gồm cả các nhà máy công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao	Đồng/ha/lưu vực tiêu/năm	1.632.500

2. Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác tại Khoản 1 Điều này là giá sản phẩm, dịch vụ đã bao gồm thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật thuế hiện hành và được xác định trong điều kiện thời tiết bình thường (không có thiên tai, hỏa hoạn và điều kiện bất thường khác).

Điều 4. Quản lý và sử dụng tiền thu được từ cung ứng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác

1. Khi thu tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác; đơn vị cung ứng dịch vụ phải lập, sử dụng hóa đơn theo quy định của pháp luật hiện hành về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.
2. Nguồn thu từ cung ứng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác sau khi thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật thì phần còn lại được để lại đơn vị sử dụng theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân

dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVI, Kỳ họp thứ mười hai thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 7 năm 2020./.

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Toàn